BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ ĐÌNH TIẾN

MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ YÊN

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học : **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 1: **PGS.TS Nguyễn Trường Sơn.**

Phản biện 2: **PGS.TS Nguyễn Thị Như Liêm.**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 12 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại :

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phú Yên là một Tỉnh được tái lập từ năm 1989 nằm ở vị trí không thuận lợi, xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước và khu vực, cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém, thu ngân sách địa phương còn thấp, chưa đáp ứng cho nhu cầu chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển. Cân đối từ ngân sách Trung ương dành cho đầu tư phát triển thấp. Tăng trưởng kinh tế của Tỉnh trong những năm gần đây tuy ở mức cao nhưng vẫn dưới mức tiềm năng, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng không cao. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào yếu tố vốn, lao động và khai thác tài nguyên nhằm tăng năng lực sản xuất theo chiều rộng, thiên về cung; chưa chú trọng đúng mức đến "cầu". Tác động yếu tố "cầu" trong tăng trưởng kinh tế chưa rõ nét; chất lượng yếu tố đầu vào thấp và hiệu quả không cao làm cho tăng trưởng kinh tế chưa ổn định và bền vững, có dấu hiệu chững lại và có xu thế tụt hậu so với các Tỉnh trong khu vực.

Muốn duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững cần thiết phải khắc phục được những nhược điểm và điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế của Tỉnh cho phù hợp trong giai đoạn đến. Do đó Tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu **"*Mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên*"** cho luận văn Thạc sỹ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Thứ nhất: Khái quát được lý luận mô hình tăng trưởng kinh tế để hình thành khung lý luận cho đề tài;

Thứ Hai: Đánh giá được thực trạng mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên thời gian qua;

Thứ Ba: Đưa ra được các giải pháp điều chỉnh mô hình tăng

trưởng kinh tế cho tỉnh Phú Yên trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*: Mô hình tăng trưởng kinh tế.

- *Phạm vi thời gian:* Từ năm 1991 - 2012.

- *Phạm vi không gian:* Tỉnh Phú Yên.

4. Phương pháp nghiên cứu

Do phạm vi nghiên cứu của đề tài rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực nên luận văn sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như Phương pháp thu thập tài liệu; Phương pháp thống kê toán học; Phương pháp phân tích, so sánh; Phương pháp biểu đồ; Phương pháp dự báo,…

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, được trình bày trong 3 chương, gồm:

Chương 1: Cơ sở lý luận về mô hình tăng trưởng kinh tế;

Chương 2: Thực trạng mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên;

Chương 3: Giải pháp điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế Phú Yên.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ ĐO LƯỜNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là một khái niệm tiền đề, là nền tảng của nhiều mối quan hệ góp phần tạo nên các mối quan hệ đa chiều của xã hội. Có nhiều nghiên cứu khác nhau nhưng phần lớn đều cho rằng tăng trưởng kinh tế là một phạm trù kinh tế, nó phản ánh quy mô tăng lên hay giảm đi của nền kinh tế ở năm này so với năm trước đó hoặc của thời kỳ này so với thời kỳ trước đó. Tăng trưởng kinh tế có thể biểu hiện bằng qui mô tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng.

1.1.2. Đo lường tăng trưởng kinh tế

Các chỉ tiêu phản ánh giá trị tăng trưởng kinh tế theo hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) bao gồm: tổng giá trị sản xuất (GO), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng thu nhập quốc dân (GNI), thu nhập quốc dân (NI), tổng sản phẩm tính bình quân đầu người. Tăng trưởng kinh tế có thể biểu thị bằng số tuyệt đối (qui mô tăng trưởng) hoặc số tương đối (tốc độ tăng trưởng).

1.2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.2.1. Kết quả vận hành của mô hình tăng trưởng kinh tế

Các mô hình tăng trưởng theo lý thuyết đều đã chỉ ra rằng dù mô hình tăng trưởng lựa chọn vận hành theo kiểu nào thì năng lực sản xuất của nó tạo ra sẽ phải thể hiện ở kết quả cuối cùng là sản lượng GDP và việc làm của nền kinh tế nhưng kết quả này không phải tĩnh mà phải gia tăng đều ổn định và ở mức độ cao trong dài hạn. Để đo lường độ ổn định của tăng trưởng ta có thể dùng tỷ số giữa độ lệch chuẩn của tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng. Phương sai được định nghĩa gần

như là trung bình của các biến thiên bình phương giữa từng quan sát trong tập dữ liệu so với giá trị trung bình của nó. Độ lệch chuẩn đơn giản là đại lượng được tính bằng cách lấy căn bậc hai của phương sai. Hệ số này càng thấp thì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế càng ổn định và ngược lại.

1.2.2. Mô hình huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực cho tăng trưởng

Mô hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực cho tăng trưởng được thể hiện rõ nhất qua tổng cung của nền kinh tế. Tổng cung phản ánh quan hệ giữa sản lượng hàng hóa dịch vụ được sản xuất ra trong mỗi thời kỳ trong quan hệ với mức giá. Trong dài hạn sản lượng hàng hóa dịch vụ hay tổng cung phụ thuộc vào các nhân tố đầu vào như vốn sản xuất, lao động và trình độ công nghệ sản xuất.

Sử dụng mô hình Cobb – Douglas, ta có: $Y = T_{FP} K^{\alpha} L^{\beta}$

Trong đó: Y là GDP của nền kinh tế và được sản xuất ra từ lao động L và vốn sản xuất K. Ở đây giả định hàm sản xuất trên (thể hiện sản lượng được sản xuất từ L và K trong thời kỳ đầu) và tăng thêm lần T_{FP} nhờ tiến bộ công nghệ. Nghĩa là năng suất biên của vốn và lao động thay đổi cùng tỷ lệ vốn - lao động cho trước. Chuyển về dạng tuyến tính và lấy vi phân ta có

$$\frac{\Delta Y}{Y} = \frac{\Delta T_{FP}}{T_{FP}} + \alpha \frac{\Delta K}{K} + \beta \frac{\Delta L}{L} \text{ hay } g_Y = gT_{FP} + \alpha g_K + \beta g_L$$

Tùy theo tỷ trọng đóng góp của các nhân tố mà đánh giá nền kinh tế đó thâm dụng nhân tố gì. Nếu tỷ lệ của vốn và lao động chiếm trong tăng trưởng lớn biểu hiện xu hướng tăng trưởng theo chiều rộng. Nếu TFP có tỷ trọng cao thì đó là nền kinh tế chuyển sang tăng trưởng theo chiều sâu. Như vậy, mô hình huy động phân bổ và sử dụng nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế chỉnh là chỉ ra cách thức nền kinh tế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực để tạo ra năng lực sản xuất qua đó đạt mức sản lượng có thể.

1.2.3. Mô hình phân phối kết quả tăng trưởng

Từ lý thuyết của Keynes được trình bày trong tác phẩm "Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ" (1936) được Paul Saumelson, W. N (1989) phát triển khi đưa ra mô hình số nhân để chỉ ra tác động của việc gia tăng chi tiêu của các tác nhân trong nền kinh tế như tiêu dùng của hộ gia đình, của chính phủ, chi tiêu mua hàng hóa đầu tư và chi tiêu của người nước ngoài mua hàng hóa xuất khẩu của nền kinh tế đó. Thông qua cơ chế tác động này các tác giả đã chỉ ra vai trò của các chính sách của chính phủ có ảnh hưởng tới các thành tố của tổng cầu, đồng thời cũng chỉ ra những điều này không chỉ có tính chất nội sinh về phía tổng cung. Sự tác động từ gia tăng tổng cầu tới tăng trưởng kinh tế còn xem xét thông qua những thay đổi về việc làm và thất nghiệp đối với nền kinh tế.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.3.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên

1.3.2. Điều kiện kinh tế xã hội

1.3.3. Khả năng huy động các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Các mô hình tăng trưởng kinh tế theo lý thuyết của các nhà kinh tế trong và ngoài nước đã chỉ ra cơ chế cơ bản nhất trong phân bổ sử dụng các nguồn lực để tạo ra sản lượng và gia tăng chúng trong dài hạn. Thực tiễn cũng đã chỉ ra rằng muốn tăng trưởng thành công phải lựa chọn đúng mô hình tăng trưởng phù hợp với điều kiện và khả năng của nền kinh tế. Nhưng vẫn có một điểm chung nhất trong lựa chọn mô hình tăng trưởng của các nền kinh tế thành công đó chính là mô hình tăng trưởng phát huy và khai thác toàn diện cả tổng cung và tổng cầu, chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ YÊN

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH PHÚ YÊN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội.

- Vị trí địa lý

- Khí hậu, thời tiết

- Tài nguyên nước

- Tài nguyên đất

- Tài nguyên rừng

- Tài nguyên khoáng sản

- Tài nguyên du lịch

- Tài nguyên nhân văn

2.1.2. Đặc điểm về dân số, dân cư, nguồn nhân lực

a. Đặc điểm dân số, dân cư tỉnh Phú Yên

- Phân theo giới tính

- Phân theo khu vực

- Phân theo theo vùng

b. Cơ cấu lao động

- Dân số trong độ tuổi lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động năm 2012 chiếm 62,4%, đây là nguồn lao động dồi dào đáp ứng cho nhu cầu lao động cho phát triển.

- Lực lượng lao động trong độ tuổi:

Lực lượng lao động năm 2012 trong độ tuổi chiếm 56% so với dân số và chiếm 90% dân số trong độ tuổi.

- Lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn:

Đến năm 2012, cơ cấu lao động ở thành thị chiếm 20%, khu vực nông thôn chiếm 80% lực lượng lao động của Tỉnh.

2.2. THỰC TRẠNG MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ YÊN

2.2.1. Kết quả vận hành mô hình tăng trưởng thời gian qua

Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 1991-2012 bình quân 11,62%/năm. Trong đó dịch vụ tăng bình quân 12%/năm; công nghiệp xây dựng: 15,2%/năm, nông nghiệp: 4,4%/năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng của ngành nông nghiệp.

Bảng 2.3: Cơ cấu kinh tế tỉnh Phú Yên các năm: 1991, 2000, 2012

Cơ cấu GDP	ĐVT	1991	2000	2012
Nông, lâm, ngư nghiệp	%	55,7	44,13	26,6
Công nghiệp – Xây dựng	%	11,9	22,65	35,5
Thương mại – Dịch vụ	%	32,4	33,22	37,9

Qui mô của GDP năm 2012: 5.813 tỷ đồng, khá thấp so với các Tỉnh trong khu vực. Do vậy cần có các biện pháp duy trì và nâng cao tốc độ tăng trưởng hơn nữa vì trong bối cảnh điều kiện các tỉnh trong khu vực đã có những bước tiến lớn, nếu không sẽ tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Đóng góp vào 1% tăng trưởng GDP của nhóm ngành nông lâm ngư nghiệp ngày càng giảm dần. Trong những năm 1992, 1997 đóng góp của khu vực này lên đến hơn 40% thì đến năm 2009, 2010, 2011 chỉ còn hơn 10% và 2012 là 3,2% và nhường chỗ cho các ngành công nghiệp và dịch vụ. Khu vực dịch vụ được xem là nhân tố đóng góp ổn định nhất cho tăng trưởng kinh tế.

2.2.2. Tính ổn định của mô hình tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tỉnh luôn duy trì ở mức cao nhưng biên độ giao động khá lớn. Trong đó giai đoạn 1991-2001, khoảng biến thiên có biên độ giao động lớn cho thấy tăng trưởng kinh

tế trong giai đoạn này thiếu ổn định. Giai đoạn 2001-2012, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn này đạt 11,3%/năm; biên độ giao động được thu hẹp dần, tốc độ tăng trưởng cao và có tính ổn định hơn (bình quân của khu vực MT-TN là 11,2%).

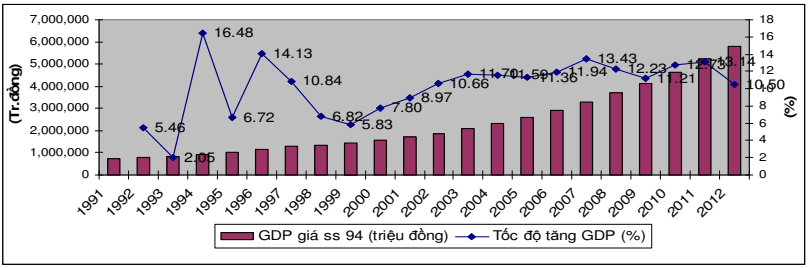

Biểu đồ 2.4. Tăng trưởng GDP

So tốc độ tăng trưởng trung bình với phương sai, hệ số biến thiên của tăng trưởng kinh tế Phú Yên giai đoạn 2001-2012 là 10,16% (MT-TN: 13,9%). Trong 3 ngành kinh tế thì tăng trưởng ngành nông nghiệp có biến động rất lớn nhất (57,59%), kế tiếp là ngành công nghiệp – xây dựng (21,88%) và dịch vụ (12,53%). Điều đó cho thấy mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tỉnh khá ổn định nhưng trong từng nội bộ ngành có sự biến thiên rất lớn.

2.2.3. Cách thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế

a. Về tình hình huy động, phân bổ và sử dụng vốn đầu tư

Vốn đầu tư có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 1991-2012 đạt 56.178 tỷ đồng, tăng bình quân 26,76%/năm. Nguồn vốn đầu tư do địa phương quản lý ngày càng tăng lên, từ 35,7% 1995, tăng 94,52% năm 2012. Nguồn vốn sở hữu từ khu vực Nhà nước có xu hướng giảm dần tỷ trọng trong cơ cấu vốn đầu tư (1995: 85,6%; 2012: 35,53%).

Bảng 2.5: Hệ số ICOR của tỉnh Phú Yên

TT	Chỉ tiêu	1991-2012	1991-2000	2001-2012
	Hệ số ICOR chung	4,11	3,79	4,29
1	ICOR Nông, lâm ngư nghiệp	4,31	2,74	5,21
2	ICOR công nghiệp	4,14	4,77	3,61
3	ICOR Dịch vụ	3,85	2,70	4,63

Hệ số ICOR cho cả giai đoạn 1991-2012 là 4,11 nhưng có biên độ giao động khá lớn. Riêng trong giai đoạn 1991-2000 hệ số ICOR toàn ngành là 3,79; giai đoạn 2001-2012 là 4,29. Mặc dù hệ số ICOR của Tỉnh thấp hơn trung bình chung của cả nước (5,93), nhưng vẫn còn cao so với các nước trong khu vực (3-3,5).

Xét trong mối quan hệ giữa cơ cấu nguồn vốn đầu tư và cơ cấu GDP của các thành phần kinh tế không hợp lý. Giai đoạn 2001-2012, nguồn vốn đầu tư khu vực nhà nước chiếm 42,63%% nhưng chỉ thu được hơn 30,91% GDP. Trong khi đó, nguồn vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước chỉ chiếm 34,16% nhưng đã mang lại cho nền kinh tế đến 66,28% GDP. Hệ số ICOR khu vực kinh tế Nhà nước giai đoạn 2001-2012 là quá cao (7,65); trong khu khu vực ngoài Nhà nước có hệ số ICOR khá thấp (2,14). Cho thấy hiệu quả nguồn vốn khu vực nhà nước còn kém xa so với khu vực ngoài nhà nước.

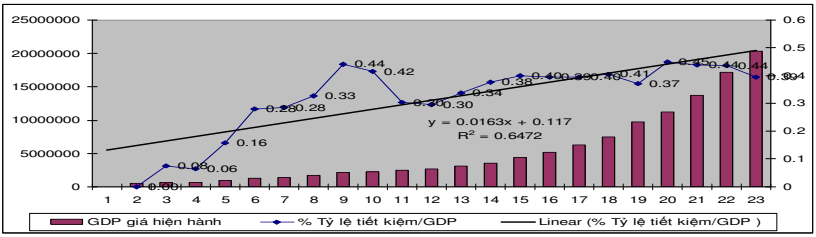

Biểu đồ 2.6. Tỷ lệ tiết kiệm so với GDP giai đoạn 1991 - 2012

Nhìn vào biểu đồ trên ta thấy, xu hướng chung giữa tiết kiệm và tăng trưởng kinh tế, khi tỷ lệ tiết kiệm tăng cùng chiều với tăng trưởng

GDP. Khi tỷ lệ tiết kiệm tăng 10% thì tăng trưởng GDP tăng 0,163%. Tuy nhiên, tỷ lệ này tăng không thật sự mạnh.

b. Về tình hình huy động, phân bổ và sử dụng lao động

- Tình hình huy động và phân bổ lực lượng lao động

Bảng 2.6: Lao động trong độ tuổi đang làm việc trong nền kinh tế

TT	Chỉ tiêu (lao động)	1991	2005	2012
1	Nông lâm ngư nghiệp	261.255	341.817	294.988
2	Công nghiệp xây dựng	12.815	42.855	83.214
3	Dịch vụ	32.967	71.296	138.396

Lực lượng lao động vào làm việc cho nền kinh tế của Tỉnh ngày càng tăng. Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động cũng đã có sự chuyển dịch lớn từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp.

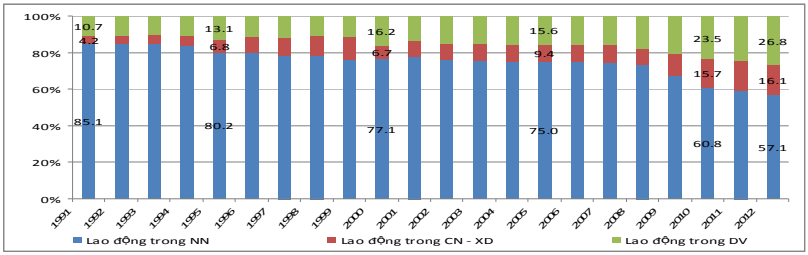

Biểu đồ 2.7. Cơ cấu lao động theo ngành giai đoạn 1991- 2012

Xu hướng chuyển dịch trên cho thấy mặc dù cơ cấu kinh tế của Tỉnh có sự chuyển dịch mạnh mẽ nhưng tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành diễn ra còn chậm. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao, lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ có tăng, nhưng chậm.

- Về chất lượng nguồn lao động:

Tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh Phú Yên liên tục tăng từ 14,05% năm 2000 lên 38% năm 2012. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn lớn (*2012: 62%)*. Chất lượng lao động qua đào tạo còn nhiều hạn

chế; cơ cấu trình độ lao động qua đào tạo nghề chưa phù hợp. Thực trạng này là một trong những nguyên nhân cơ bản hạn chế tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế giai đoạn vừa qua.

- Năng suất lao động

Bảng 2.15. Năng suất lao động của Phú Yên

Chỉ tiêu	1991	1995	2000	2005	2010	2012
NSLĐ chung	2.46	2.83	4.11	5.71	9.39	11.25
NSLĐ NLN	1.69	1.65	2.07	2.27	3.17	3.52
NSLĐ CNXD	6.97	5.86	14.77	18.76	22.65	27.48
NSLĐ DV	6.75	8.46	9.44	14.37	16.60	17.98

NSLĐ thấp một phần là do chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu, phần lớn người lao động chưa qua đào tạo hoặc tuy có đào tạo nhưng còn ở trình độ thấp. Tuy nhiên xu hướng chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp là một biểu hiện tích cực.

c. Tình hình công nghệ sản xuất

Bảng 2.16: Bảng so sánh tỷ lệ đóng góp các nhân tố cho tăng trưởng kinh tế Phú Yên với các VKTTĐMT và MT-TN

Khu vực	Tăng trưởng GDP (%)	Trong đó:			Tỷ lệ đóng góp vào 1% cho tăng trưởng		
		Vốn	Lao động	TFP	Vốn	Lao động	TFP
MT-TN	11,2	8,1	2,0	1,1	72,6	17,6	9,7
VKTTĐMT	11,5	8,9	1,7	1,0	77,1	14,3	8,6
Phú Yên	10,2	8,66	1,09	0,52	84,35	10,59	5,06

Từ số liệu trên cho thấy tăng trưởng kinh tế của Phú Yên cũng như các tỉnh Miền Trung – Tây nguyên và Vùng kinh tế Trọng điểm Miền Trung chủ yếu dựa vào nhân tố vốn, tuy nhiên Phú Yên nhân tố vốn chiếm tỷ trọng khá cao so với các Tỉnh trong khu vực này (84,35%). Trong khi đó, nhân tố lao động chỉ đóng góp 10,59% và TFP là 5,06%.

Điều này cho thấy tăng trưởng kinh tế Phú Yên thâm dụng nhân tố vốn đầu tư, đóng góp của các nhân tố lao động và nhân tố tổng hợp khá thấp so với bình quân chung trong khu vực.

d. Chính sách và môi trường kinh doanh thúc đẩy cho tăng trưởng

Theo kết quả công bố năm 2012, PCI Phú Yên đạt 53,36 điểm, xếp hạng 52/63 tỉnh thành. Nằm trong nhóm Khá nhưng là Tỉnh thấp nhất trong khu vực. Một số chỉ số được đánh giá khá thấp như tính năng động của lãnh đạo, đào tạo lao động, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp,… Do vậy, cần thiết phải có những giải pháp nhằm cải thiện như tăng cường công tác hỗ trợ cho doanh nghiệp, tăng cường năng lực và đổi mới tư duy trong hỗ trợ cho doanh nghiệp, xem doanh nghiệp là cơ sở, là nhân tố quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2.2.4. Tình hình phân phối kết quả tăng trưởng kinh tế

Theo các lý thuyết kinh tế, sản lượng của nền kinh tế trên góc độ tổng cầu còn chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố tạo ra tổng cầu hay mức chi tiêu của các tác nhân trong nền kinh tế. Hành vi tiêu dùng của họ cùng với các chính sách của chính phủ quyết định số nhân chi tiêu của nền kinh tế qua đó tác động tới sản lượng của nền kinh tế và quyết định tăng trưởng sản lượng. Để thấy rõ hơn xem xét trên các khía cạnh sau:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ:

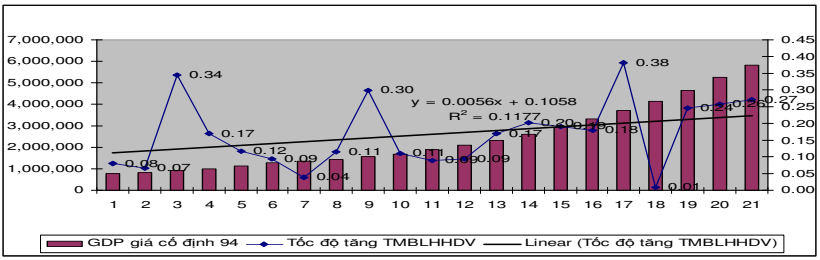

Biểu đồ 2.9. Tốc độ gia tăng Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ so với GDP giai đoạn 1991 -2012

Chỉ tiêu tổng mức bản lẻ hàng hóa và dịch vụ ở tỉnh Phú Yên phản ánh mức tiêu dùng của các tác nhân trong nền kinh tế. Từ biểu đồ trên cho thấy tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 1991-2012 bình quân trên 16,7%. Điều đó cho thấy nhu cầu về hàng hóa dịch vụ của các tác nhân khiến tổng mức bán lẻ hành hóa dịch vụ tăng và xu hướng tăng nhanh hơn GDP danh nghĩa. Rõ ràng kích thích tiêu dùng với thị trường này sẽ có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên đóng góp của nhân tố này cho tăng trưởng kinh tế khá thấp (tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng tăng 10% thì GDP tăng 0,056%), chứng tỏ việc chi tiêu của người dân Phú Yên chủ yếu để mua các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống.

Nếu xem tỷ lệ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên GDP như tỷ lệ tiêu dùng trên thu nhập thì tỷ lệ này cũng được xem như tỷ lệ dành cho tiêu dùng của hộ gia đình tức là nó quyết định tiêu dùng và tích lũy. Khi tỷ lệ này càng cao thì số nhân chi tiêu cũng tăng lên.

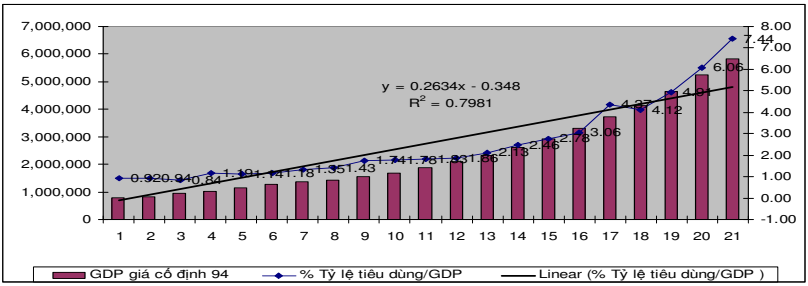

Biểu đồ 2.10. Tỷ lệ chi tiêu so với GDP giai đoạn 1991 - 2012

Nhìn biểu đồ trên ta thấy xu hướng tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên trong thời gian qua; biểu đồ trên cho thấy mối tương quan dương giữa tỷ lệ tiêu dùng và tỷ lệ tăng trưởng GDP.

Theo Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2012, Mức tiêu dùng của người dân nông thôn chỉ chiếm 68,72% so với dân cư thành

thị, khoảng cách này không thay đổi nhiều trong những năm qua. Bình quân chi tiêu cho một nhân khẩu trên địa bàn tỉnh Phú Yên 87,51% thu nhập. Tỷ lệ chi tiêu trong tổng thu nhập bình quân là khá cao, điều này cho thấy khả năng tích lũy của người dân thấp do đó cũng có những hạn chế cho sự phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh. Chi tiêu trên chủ yếu là chi tiêu cho đời sống như ăn, uống, hút,… và đáp ứng nhu cầu thiết yếu và tái sản xuất giản đơn.

- Về hoạt động xuất, nhập khẩu:

Hoạt động xuất, nhập khẩu có tác động mạnh tới tổng cầu của nền kinh tế qua đó tác động tới tăng trưởng kinh tế. Bình quân giai đoạn 1991-2012, xuất khẩu có tốc độ tăng cao hơn so với nhập khẩu. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu của Phú Yên có những biến động khá lớn. Trong những năm gần đây, xuất khẩu có xu hướng tăng nhanh và lớn hơn là nhập khẩu, có nghĩa là Tỉnh xuất siêu. Tuy nhiên, tỷ trọng của xuất khẩu so với GDP dao động mạnh, bình quân trong giai đoạn 1991-2012 là 59,65%.

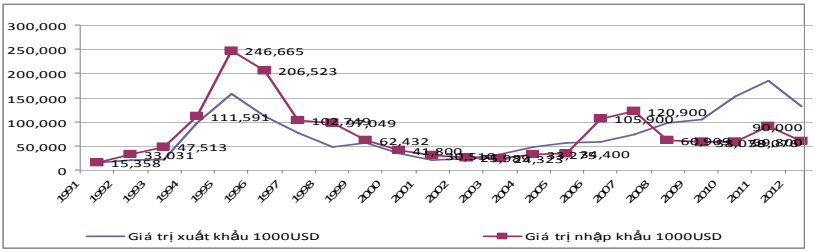

Biểu đồ 2.11. Giá trị hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu 1991-2012

Tổng cầu còn những hạn chế nhất định mà nguyên nhân chính là sức mua thấp và không đồng đều giữa các khu vực của tỉnh trong những năm qua. Chi tiêu của các hộ gia đình mới chủ yếu tập trung vào chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu, tỷ lệ tiêu dùng cho dịch vụ còn thấp ngay cả những dịch vụ cơ bản như giáo dục, y tế. Mặc dù tỷ trọng xuất

khẩu so với GDP trong những năm qua khá thấp nhưng cán cân thương mại thặng dư nên xét về tổng thể cũng có những dấu hiệu tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, để đảm bảo cho tốc độ tăng trưởng kinh tế cần thiết phải đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển các mặt hàng có thế mạnh có giá trị xuất khẩu của địa phương.

- Về chi tiêu Ngân sách

Thu ngân sách Phú Yên hiện nay chỉ đáp ứng được một phần chi thường xuyên. Tốc độ tăng chi Ngân sách trên địa bàn Tỉnh bình quân 31,69%/năm là khá cao. Trong đó, chi cho đầu tư phát triển tăng bình quân 38,63%/năm, chi thường xuyên là 34,18%/năm. Mặc dù tốc độ tăng chi cho đầu tư phát triển cao hơn tốc độ tăng chi thường xuyên, tuy nhiên chi cho đầu tư phát triển chỉ chiếm 27,41%, chi thường xuyên chiếm hơn 72,59%.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tăng trưởng cao nhưng chưa ổn định cho thấy tăng trưởng không tương xứng với tiềm năng và tiềm ẩn nhiều bất ổn cho phát triển kinh tế xã hội. Tác động của tổng cầu với tăng trưởng kinh tế còn những hạn chế nhất định mà nguyên nhân chính là sức mua thấp và không đồng đều giữa các khu vực trong tỉnh. Tỷ lệ chi tiêu của các hộ gia đình mới chủ yếu tập trung vào chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu như chi tiêu cho các hoạt động có liên quan đến đời sống như ăn, uống,… tỷ lệ tiêu dùng cho dịch vụ còn thấp ngay cả những dịch vụ cơ bản như giáo dục, y tế. Cán cân thương mại của Tỉnh thặng dư nên tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế, nhưng tính ổn định chưa cao, chưa có những mặt hàng công nghiệp mang tính chủ lực, có giá trị xuất khẩu cao mà chủ yếu là những mặt hàng nông lâm, thủy sản. Trong những năm tới, để tăng trưởng kinh tế bền vững hơn đòi hỏi Phú Yên phải có những điều chỉnh mô hình tăng trưởng theo hướng tích cực hơn tức là chuyển dần sang tăng trưởng theo chiều sâu và khai thác các tiềm năng có hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP ĐIỀU CHỈNH MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ YÊN

3.1. BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ YÊN

3.1.1. Bối cảnh quốc tế

3.1.1. Bối cảnh trong nước

3.1.3. Xu hướng biến động mô hình tăng trưởng

a. Xu hướng tăng trưởng kinh tế

b. Xu hướng về đầu tư

c. Xu hướng về nhân lực

d. Xu hướng về khoa học công nghệ, quản lý

3.2. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU ĐIỀU CHỈNH MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ YÊN

3.2.1. Định hướng tăng trưởng kinh tế

3.2.2. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên

a. Mục tiêu tổng quát

b. Mục tiêu cụ thể

3.3. CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU CHỈNH MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ YÊN

3.3.1. Nhóm giải pháp điều chỉnh tăng trưởng theo tổng cung

a. Giải pháp để chuyển từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu và chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả

*- Khai thác các nhân tố tài nguyên một cách hiệu quả: C*ó chính sách thích hợp để chấm dứt tình trạng xuất khẩu thô, kiên quyết không cấp phép cho các dự án mới xuất khẩu thô. Khuyến khích đầu tư xây dựng nhà máy chế biến đặc biệt là chế biến sâu, áp dụng công nghệ cao,… Nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm nông lâm thủy sản

bằng cách đầu tư nâng cao công nghệ chế biến, hỗ trợ quảng bá, xúc tiến và xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện để xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Tỉnh.

- *Nâng cao hiệu quả đầu tư* là một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng, nhất là đầu tư công. Điều chỉnh giảm đầu tư công ở một tỷ lệ hợp lý để dần dần cân đối với khả năng tiết kiệm công, giảm nợ công và bảo đảm quan hệ tích lũy và tiêu dùng. Xây dựng và ban hành các quy định về cơ chế phân bổ vốn một cách hiệu quả theo hệ thống các tiêu chí cụ thể nhằm cắt giảm các dự án đầu tư giàn trải, tăng cường đầu tư phát triển cho các vùng ven biển, miền núi, hải đảo và tập trung vào phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật, các dự án có tính chất quyết định đến tăng trưởng kinh tế.

- *Nâng dần tỷ trọng của khoa học công nghệ trong tăng trưởng kinh tế,* đẩy nhanh quá trình đổi mới và phát triển công nghệ trong nền kinh tế. Phát huy lợi thế của nền kinh tế đi sau. Đối với các ngành truyền thống và có lợi thế tận dụng lao động, tài nguyên thiên nhiên cần được ưu tiên đầu tư đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ. Đối với các ngành sản xuất then chốt ảnh hưởng dây chuyền đến các ngành khác cần thực hiện ngay việc ứng dụng các công nghệ hiện đại như ngành điện tử, tin học, vật liệu mới, giống cây trồng vật nuôi, kiểm tra chất lượng sản phẩm, xử lý ô nhiễm môi trường.

b. Thực hiện cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế

- *Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho nước công nghiệp.* Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp cả về ngành kinh tế - kỹ thuật, vùng và giá trị mới. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm. Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, hoá chất. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông

nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới. Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, có hiệu quả cao.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại hiệu quả và bền vững. Xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện từng vùng, từng loại cây con. Gắn kết chặt chẽ lợi ích giữa người sản xuất, người chế biến và người tiêu thụ, giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích tập trung ruộng đất, phát triển gia trại, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp với quy mô và điều kiện từng vùng. Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến, bảo quản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học làm tăng giá trị gia tăng trên mỗi đơn vị canh tác. Có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, bảo đảm cho người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định. Khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản, phát triển đánh bắt xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phát triển nuôi trồng thuỷ sản theo quy hoạch; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và chế biến, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh cao. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng công nghệ cao. Tăng cường quảng bá mở rộng thị trường, nhất là các nước khu vực Trung Đông, Châu Phi, Đông Bắc Á các mặt hàng nông, thủy sản có thể mạnh của Tỉnh nhằm tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu; hình thành và phát triển theo mô hình chuỗi giá trị cho các mặt hàng nông sản.

c. Giải pháp về hoàn thiện chính sách, môi trường kinh doanh

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính: Đẩy nhanh thủ tục hành chính. Làm cho bộ máy hành chính hoạt động có hiệu lực, hiệu quả,

phục vụ nhân dân ngày một đúng pháp luật, tốt hơn; từng bước chuyển nền hành chính từ cơ quan "cai quản" thành các cơ quan "phục vụ", làm các dịch vụ hành chính đối với dân, công dân là khách hàng của nền hành chính, là người đánh giá khách quan nhất về mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, bộ máy hành chính.

- *Chính sách đất đai:* Phấn đấu hoàn thành việc giao đất cho tổ chức, cá nhân và hộ gia đình, nhằm ổn định lâu dài và ngày càng nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- *Giải quyết tốt mối quan hệ đất đai và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.* Giải quyết tốt vấn đề đất đai, ngăn chặn các nguyên nhân trực tiếp về kinh tế dẫn đến các vấn đề chính trị xã hội.

- *Các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp*.

+ Khuyến khích nông hộ đầu tư phát triển kinh tế hộ và kinh tế trang trại nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, vốn, tay nghề, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa đa dạng, có chất lượng và giá trị ngày càng cao, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu.

+ Khuyến khích các hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu ngành nghề; phát triển các liên kết giữa doanh nghiệp với hộ nông dân, hợp tác xã để cung ứng vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm tạo mối liên kết chặt chẽ lâu dài giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

+ Tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị; xây dựng các liên kết trong sản xuất và thị trường tiêu thụ theo hướng ổn định lâu dài.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, cải tiến mẫu mã để đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

+ Nghiên cứu, tiếp cận thị trường có chiến lược, tránh tình trạng sản xuất ồ ạt trong khi chưa xác định rõ về thị trường tiêu thụ.

+ Xây dựng các trung tâm thương mại ở cấp huyện và các trung tâm tiểu vùng, giúp các xã xây dựng mới hoặc mở rộng chợ, nhằm tạo điều kiện tốt cho tiêu thụ nông sản.

d. Hoàn thiện hạ tầng cơ sở

Hệ thống cơ sở hạ tầng của tỉnh Phú Yên đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điểm phải hoàn thiện hơn, cần tìm hiểu thêm ý kiến của doanh nghiệp về điểm chưa hoàn thiện để tiếp tục đầu tư; cải thiện chất lượng hạ tầng và dịch vụ trong các khu công nghiệp và khu kinh tế của Tỉnh. Tiếp tục cải tạo nâng cấp các tuyến quốc lộ, Tỉnh lộ, các tuyến giao thông ven biển. Triển khai đầu tư các tuyến giao thông đối ngoại của Khu kinh tế Nam Phú Yên. Xây dựng cảng biển Bãi Gốc có thể tiếp nhận tàu 5 vạn tấn; xây dựng cảng Vũng Rô, cảng Đông Bắc Sông Cầu thành cảng hàng hoá. Đảm bảo cung cấp điện, nước,... cho sản xuất và đời sống nhân dân

3.3.2. Nhóm giải pháp điều chỉnh tăng trưởng theo cầu

a. Bảo đảm tỷ lệ tiêu dùng và tích lũy hợp lý

Trên cơ sở phát triển sản xuất nhờ điều chỉnh phát triển theo chiều sâu và tăng năng suất lao động cần điều chỉnh chính sách phân phối phù hợp để nâng cao thu nhập cho người dân nhất là khu vực nông thôn. Với thu nhập của nông dân cần kết hợp với các biện pháp phía tổng cung để nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu lao động giảm dần tỷ lệ lao động và thu nhập từ nông nghiệp của nông dân sẽ là cách thức tăng thu nhập của họ nhanh và bền vững.

Chi tiêu mua hàng hóa dịch vụ của chính phủ là thành tố cần quan tâm, đảm bảo chi tiêu công làm sao có hiệu quả, nhất là đầu tư công. Do đó cần phải kiểm soát chặt chẽ chi tiêu đầu tư công, tránh đầu tư quá mức, trên mức tích lũy của nền kinh tế.

b. Thúc đẩy phát triển thị trường nội địa

Trước mắt, cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

- Nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm là vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc phát triển thị trường nội địa.

- Đẩy mạnh xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm để tạo ra bản sắc riêng, qua đó thu hút khách hàng và phát triển thị trường.

- Phát triển hệ thống phân phối chuyên nghiệp phù hợp với các mảng thị trường, các đối tượng tiêu dùng chính trong nền kinh tế.

- Xây dựng chiến lược kinh doanh và nghiên cứu thông tin.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực. Coi nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định sự thành công của doanh nghiệp.

- Chú trọng phát triển thị trường nông thôn. Đây là thị trường đầy tiềm năng và cầu mua sắm ngày càng tăng.

c. Hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội

(1) Chính sách an sinh bảo đảm huy động được sự đóng góp nguồn lực tài chính của các thành viên trong xã hội trên cở sở tích lũy. Nghĩa là lao động sẽ tích lũy một phần thu nhập của mình chỉ có như vậy mới bảo đảm bền vững cho chính sách này.

(2) Trên cơ sở mức bảo hiểm cơ bản và phạm vi chế độ của nhà nước hiện nay, có những điều chỉnh cho phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên cũng như từng tỉnh. Nguồn cơ bản để thực hiện chính sách an sinh xã hội là từ tích lũy từ thu nhập của các thành viên và cũng dựa vào đó để hình thành những tiêu chuẩn bảo hiểm.

(3) Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phải dựa trên cơ sở chế độ phân phối thu nhập mới và quản lý mới. Trong điều kiện kinh tế thị trường, việc phân phối dựa trên yếu tố sản xuất. Tuy nhiên, các yếu tố sản xuất được phân chia có sự khác biệt trong đó phần lớn lao động chỉ có sức lao động. Do vậy, còn phải thực hiện phân phối lại thu nhập quốc dân qua đó hình thành và bổ sung quỹ an sinh xã hội.

(4) Hoàn thiện theo hướng đồng bộ với tất cả các bộ phận khác của lưới an sinh xã hội

- Mở rộng đối tượng tham gia hệ thống an sinh xã hội.

- Nâng cao mức độ tác động của các chính sách an sinh xã hội

- Hoàn thiện cơ chế tài chính và cơ chế huy động nguồn lực nhằm nâng cao mức độ bền vững tài chính.

3.3.3. Nhóm giải pháp huy động, nâng cao hiệu quả các nguồn lực

a. Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư, phải có các giải pháp huy động vốn nhằm đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư.

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội;

- Tiếp tục tạo nguồn vốn từ quỹ đất, thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để có vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu đô thị mới, khu công nghiệp.

- Tranh thủ thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài Ngân sách Nhà nước thông qua các chương trình, dự án đầu tư phát triển;

- Xây dựng và công bố danh mục các dự án BOT, BT, BTO, BOO, PPP,… lên các mạng thông tin đại chúng để thu hút đầu tư các dự án vào các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng của Tỉnh.

b. Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động

Để khai thác, sử dụng hiệu quả lao động nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững cần phải theo các hướng sau:

Một là, điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế dựa nhiều hơn vào nguồn lực lao động;

Hai là, tận dụng tối đa số lượng lao động nông thôn nông nhàn, đồng thời không ngừng nâng cao năng suất lao động, nghĩa là sử dụng gắn với nâng cao chất lượng lao động.

Ba là, quá trình sử dụng lao động gắn liền với quá trình phát triển kinh tế xã hội và công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn.

Bốn là, quá trình sử dụng lao động gắn với quá trình thực hiện phân phối hợp lý các yếu tố sản xuất cũng như kết quả ở nông thôn theo hướng sản xuất lớn và đảm bảo vấn đề xã hội.

c. Cải thiện trình độ công nghệ của doanh nghiệp

Đổi mới hoạt động của hệ thống quản lý khoa học và công nghệ. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc áp dụng các thành tựu khoa

học và công nghệ nhất là trong lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc trong phát triển kinh tế, xã hội. Có chính sách hỗ trợ hợp lý khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học công nghệ, đầu tư đổi mới công nghệ trong sản xuất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong những năm tới Phú Yên phải điều chỉnh mô hình tăng trưởng để đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững hơn trên cơ sở thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, quy mô đô thị theo hướng CNH-HĐH; tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tương đối tỷ trọng nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế; đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh và quốc phòng luôn bảo đảm. Tỉnh cần phải thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp:

Với tổng cung: Giải pháp để chuyển từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu và chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Thực hiện cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế. Hoàn thiện chính sách và môi trường kinh doanh. Hoàn thiện hạ tầng cơ sở.

Với tổng cầu: Bảo đảm tỷ lệ tiêu dùng và tích lũy hợp lý; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển thị trường nội địa, nhất là khu vực miền núi, ven biển; Hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội.

Nhóm giải pháp huy động có hiệu quả các nguồn lực: Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động; cải thiện trình độ công nghệ của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Các mô hình tăng trưởng kinh tế đã chỉ ra cơ chế cơ bản nhất trong phân bổ sử dụng các nguồn lực để tạo ra sản lượng và gia tăng chúng trong dài hạn. Thực tiễn cũng đã chỉ ra rằng muốn tăng trưởng thành công phải lựa chọn đúng mô hình tăng trưởng phù hợp với điều kiện và khả năng của nền kinh tế. Nhưng điểm chung nhất trong lựa chọn mô hình tăng trưởng của các nền kinh tế thành công đó chính là mô hình tăng trưởng phát huy và khai thác toàn diện cả tổng cung và tổng cầu, chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu.

Phú Yên là một tỉnh có điều kiện tài thiên nhiên, tài nguyên rất nhiều tiềm năng cho tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng của Phú Yên có mức dao động khá cao và không ổn định. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh chủ yếu dựa trên khai thác các nhân tố chiều rộng, các nhân tố chiều sâu chưa được chú trọng khai thác. Tác động của tổng cầu với tăng trưởng kinh tế còn những hạn chế nhất định mà nguyên nhân chính là sức mua thấp và không đồng đều giữa các khu vực tỉnh trong những năm qua. Tỷ lệ chi tiêu của các hộ gia đình mới chủ yếu tập trung vào chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu; tiêu dùng cho dịch vụ còn thấp ngay cả những dịch vụ cơ bản như giáo dục, y tế. Cán cân thương mại của tỉnh thặng dư đã tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Trong những năm tới, để tăng trưởng kinh tế bền vững hơn đòi hỏi Phú Yên phải có những điều chỉnh mô hình tăng trưởng theo hướng tích cực hơn tức là chuyển dần sang tăng trưởng theo chiều sâu và khai thác các tiềm năng có hiệu quả hơn.